

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 5 năm 2021

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Thúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Lang và ông Nguyễn Đức Nhâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Hồng T, sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh T; chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (*Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh T (*Vắng mặt không có lý do và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Hoàng Hồng T trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn N qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/01/2017. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không có tình cảm với nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn, anh N không tu chí làm ăn thường xuyên tụ tập uống rượu, chị T sức khỏe yếu nhưng anh N không quan tâm đến chị T mà còn thường chửi, mắng chị, tuy đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên ngăn nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Vợ chồng sống cùng nhau nhưng không có quan hệ tình cảm vợ chồng, không quan tâm

chăm sóc lẫn nhau, thực tế hai vợ chồng tôi đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 6/2020 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án chị T đã thông báo cho anh N biết nhưng anh N không về Tòa án giải quyết, chị T xác định mâu thuẫn giữa chị và anh N đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa, trong thời gian sống ly thân cũng không quan tâm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N theo quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Hồng T xác định chị và anh N không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T không trình bày ý kiến gì khác.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi, triệu tập anh Hoàng Văn N đến để giải quyết vụ án nhưng anh N đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh T. Theo cung cấp của bà Trương Thị Thuận (mẹ đẻ của anh Hoàng Văn N) thì việc chị T, anh N kết hôn với nhau như chị T đã trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị T anh N ở chung cùng gia đình bố mẹ đẻ anh N tại Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh T, cho đến nay vẫn chưa ra ở riêng. Quá trình chung sống do hai vợ chồng không có con chung, không tin tưởng lẫn nhau, đến khoảng tháng 6/2020 chị T tự ý về nhà bố mẹ đẻ ở, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, anh N có nói với gia đình là không còn tình cảm với chị T nữa, chị T đề nghị ly hôn anh cũng nhất trí. Hiện nay anh N đi làm ăn xa khỏi địa phương, nhưng vẫn hay về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc cho gia đình biết, bà Thuận cũng không biết địa chỉ nơi ở, nơi làm việc của anh N. Bà Thuận xác định bà có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án và đã trực tiếp giao và thông báo cho anh N biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh N nhưng anh N không về giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng : Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn ” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Toà án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng khác theo đúng trình tự pháp luật quy định kể từ ngày thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm, các phần tiến hành tố tụng tại phiên toà sơ thẩm đã được Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự, đúng quy định pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Hồng T xử cho chị Hoàng Hồng T được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Hồng T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Hoàng Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Sổ hộ khẩu (Bản sao công chứng); Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Hồng T và Hoàng Văn N (bản phô tô).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn; tiến hành xác minh tại thôn Nà Đồn, xã Thanh Tương; xác minh với bà Trương Thị Thuận; tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định.

Do anh Hoàng Văn N cố tình che giấu địa chỉ, không đến Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được, các đương sự chưa thống nhất được nội dung gì nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Hồng T và anh Hoàng Văn N kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp; chị T có đơn xin ly hôn với anh N nên xác định đây là vụ án ly hôn; bị đơn anh Hoàng Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Hoàng Văn N có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh T. Anh N đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại địa phương và gia đình không rõ anh N đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh N và chính quyền địa phương đã thông báo cho anh N biết nhưng anh N vẫn không về giải quyết và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Hoàng Văn N vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Hoàng Hồng T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Na Hang quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Hoàng Hồng T và anh Hoàng Văn N kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tương, huyện Na Hang là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, thực tế vợ chồng sống ly

thân nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay, không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế với nhau nữa.

Quá trình xác minh, qua cung cấp của đại diện thôn Nà Đồn, xã Thanh Tương, huyện Na Hang; bà Trương Thị Thuận là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn N có cơ sở xác định giữa chị **T** và anh **N** có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 6/2020 cho đến nay là đúng thực tế. Trong suốt thời gian sống ly thân cả hai bên không gặp nhau, không có quan hệ tình cảm với nhau và không có cách thức, biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị **T** vẫn giữ nguyên quan điểm của mình xin được ly hôn với anh **N** theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **T** và anh **N** đến thời điểm hiện nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị **T**. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Hoàng Hồng T được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị **T** xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí, quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 BLTTDS và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hoàng Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Hồng T, cho chị Hoàng Hồng T được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

2. Về án phí: Chị Hoàng Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002242, ngày 25/02/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na

Hang. Chị Hoàng Hồng T đã nộp đủ tiền án phí; anh Hoàng Văn N không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã Thanh Tương;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Ngọc Thúc

.